

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST

Ngày: 11-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Lê Văn Mãi

Ông Phạm Quang Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Kim Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2021/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Lớn), sinh năm 1992; tại Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở: Ấp L, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn N (không rõ năm sinh) và bà Lê Thị T, sinh năm 1975; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:***

Luật sư Hoàng Minh Q - Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Địa chỉ: QL 14, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

**** Bị hại:*** Anh Lưu Văn Q (T), sinh năm 1997 (đã chết trong vụ án)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1976. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương

2. Ông Trương Minh T2, sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

3. Ông Điều N, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

4. Chị Đặng Nguyễn Lam L, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

** Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị Thanh H (Q), sinh năm 1993. Vắng mặt.

HKTT: Ấp 7, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương

2. Anh Phạm Thiện Đ (U), sinh năm 1998. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

3. Anh Trần Văn C, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

4. Anh Lê Minh T3 (Đ), sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2020, Nguyễn Văn T và Trần Thị Thanh H, sinh năm 1993, HKTT: Ấp 7, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (chung sống như vợ chồng) đến ở tại ấp L, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để cạo mủ cao su thuê. Tháng 11/2020, Lưu Văn Q cũng đến ấp L để làm thuê cùng với T, sau đó T quen biết với Phạm Thiện Đ và Trần Văn C. Trong thời gian này, cả nhóm sử dụng hai căn nhà bỏ hoang (chòi rẫy) của ông Trương Minh T2 và ông Điều N trên địa bàn ấp L, xã T1, huyện Đ để làm nơi ở, sinh hoạt.

Khoảng 22 giờ ngày 19/11/2020, T, Q, H đi cạo mủ cao su như thường ngày, còn C và Đ đến vườn cà phê của người dân hái trộm được 106kg trái cà phê. Sau khi hái trộm cà phê, Đ chở về chòi rẫy của ông T2 cất giấu. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/11/2020, sau khi cạo mủ cao su xong, T, Q, H được Đ chở về chòi rẫy của ông T2 rồi Q và Đ ngủ lại tại đây, còn T và H đi bộ đến chòi rẫy của ông Điều N cách đó 400m ngủ, riêng C ngủ tại vườn cà phê của người dân. Khoảng 06 giờ cùng ngày, T và H thức dậy rồi quay lại chòi rẫy của ông T2 mắc võng ở ngoài hiên nằm ngủ chung với nhau (thời điểm này Q và Đ vẫn còn ngủ ở bên trong).

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, C về gọi T, Q, H và Đ thức dậy rồi tất cả đi về chòi rẫy của ông Điều N nấu ăn. Sau đó, T, Đ và Q quay lại chòi rẫy của ông T2 để đưa bao cà phê trộn được lên xe mô tô cho Đ chở đi bán, Đ bán sô cà phê trên cho chị Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1986, HKTT: ấp L, xã T1, huyện Đ được số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm ngàn đồng).

Khoảng 13 giờ cùng ngày, T nhớ ra là cửa chòi rẫy của ông T2 chưa khóa, sợ mất đồ đạc nên T và Q đi lên chòi rẫy của ông T2 để khóa cửa rồi cả hai cùng lên 02 chiếc võng mắc sẵn để nằm nghỉ trưa. Tại đây, T và Q nói chuyện với nhau; T khuyên Q không nên chơi bời và sử dụng ma túy nữa mà để tiền phụ giúp gia đình, sau đó Q và T xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. T cho rằng Q nhại lại tiếng rên của H khi H và T quan hệ tình dục, T bực tức và nghi ngờ bị Q rình xem T và H quan hệ tình dục. Lúc này, T đứng dậy đi lấy 01 con dao, bằng kim loại dài 36,7cm, dao có một lưỡi sắc, mũi dao nhọn, dao không có cán dao, phần chui dao và lưỡi dao liền khối, lưỡi dao dài 29cm có sẵn tại nền nhà gần nơi võng của T và Q nằm ngủ, T cầm con dao bằng tay phải hướng lưỡi dao quay ngược về phía ngón tay út, bước đến đứng phía bên phải của Q đang nằm trên võng rồi đâm 01 nhát trúng vùng lưng trái của Q. Q đưa tay lên đỡ nhưng bị T dùng tay trái gạt tay của Q ra và đâm liên tiếp xuống vùng ngực của Q cho đến khi Q nằm gục tại chỗ, kêu la thì T mới dừng lại. Sau khi đâm Q xong, T cầm con dao đi xuống con suối cách chòi rẫy của ông T2 290m cắm vào lòng suối có nước và giấu chiếc áo mà T mặc khi gây án dưới gốc điều cách đó khoảng 200m rồi đi về lại chòi rẫy của ông Điều N. Sau đó, H mang quần, áo đến chòi rẫy của ông T2 để phơi thì phát hiện Q đã tử vong, H hoảng sợ kêu la và chạy về lại chòi rẫy của ông Điều N. H và C hỏi T về việc ai đã giết Q thì T nói “*mất đi một thằng bạn, T ra đi ngọt lắm*”. Sau khi biết T giết Q, C đã gọi điện thoại báo cho anh Lê Minh T3 biết để trình báo Công an. Còn H bị T dẫn theo bỏ trốn, sau đó H đã chỉ dẫn nơi T lẫn trốn để Công an truy bắt. Đến 09 giờ 00 phút ngày 21/11/2020, T bị bắt khi đang lẫn trốn tại khu vực ấp L, xã T1, huyện Đ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 324/2020/GĐPY ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước đã kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Đa vết thương thấu ngực; Thủng tim, phổi, gan và dạ dày; Sốc mất máu cấp.

2. Nguyên nhân chết: Lưu Văn Q bị vết thương thấu ngực gây thủng phổi, tim và gan, sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số: 09/21/TC-ADN ngày 22/12/2020 của Viện Pháp y quốc gia - Bộ Y tế, kết luận:

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên con dao gửi giám định: Dương tính.

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên chiếc áo sơ mi gửi giám định: Âm tính.

- ADN thu từ con dao gửi giám định trùng khớp với ADN của Lưu Văn Q.

Tại Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 54/2021/HS ngày 17/3/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: Con dao (vật chứng giám định), trong tư thế thực nghiệm điều tra (Biên bản thực nghiệm điều tra hồi 09 giờ 00 ngày 02/3/2021) khi tác động vào cơ thể có thể gây ra được các thương tích trên cơ thể của Lưu Văn Q.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường:

Dấu vết màu nâu đỏ trên nền nhà, khu vực dưới tử thi (thu bằng bông tăm); Gạc thu chất bám dính 10 kẽ móng tay của bị hại Lưu Văn Q; 01 điện thoại di động, hiệu Masstel màu xanh, bám dính nhiều dấu vết màu nâu đỏ, đang trong tình trạng hoạt động; 01 bình gas mini, hiệu CARTRINOI; 01 bám móng tay bằng kim loại; 01 quét gas bằng nhựa trong tình trạng bể, hư hỏng; 01 đầu khò và 01 đoạn cây gỗ (tại vị trí số 01); 01 võng vải màu xanh, trên võng bám dính nhiều dấu vết màu nâu đỏ và 01 đôi giày vải màu xanh đen, số 41, hiệu ASIAN, trên giày bám dính nhiều chất bẩn màu đen và dấu vết màu nâu đỏ (tại vị trí số 02); 01 đôi dép lười màu đỏ, trên dép bám dính dấu vết màu nâu đỏ (tại vị trí số 04); 01 đôi dép lười màu xanh, trên dép có chữ EURO, bám dính dấu vết màu nâu đỏ (tại vị trí số 05); 01 võng vải màu xanh (tại vị trí số 06); 01 chai nhựa màu trắng trong, nắp màu đỏ, thân chai có chữ “GASACO”, trên nắp chai có 02 lỗ hình tròn, trong đó 01 lỗ được cắm 01 ống hút bằng nhựa màu vàng (tại vị trí số 07); 01 áo vải thun màu xanh, có cổ, có chữ AJOURE (tại vị trí số 17); 01 áo sơ mi sọc xanh, trắng, trong tình trạng ẩm ướt, trên áo bám dính nhiều chất bẩn và dấu vết màu nâu đỏ, dạng phun bắn (tại vị trí số 16).

Biên bản truy tìm vật chứng lập ngày 21/11/2020 tại vị trí giữa lòng suối thuộc ấp L, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước thu giữ 01 con dao 36,7cm bằng kim loại, không có cán dao, phần chui dao và lưỡi dao liền khối, lưỡi dao dài 29cm, chui dao dài 07,7cm, dao có 01 lưỡi sắc, mũi dao nhọn, sống dao nơi dày nhất 0,5cm, trên dao dính nhiều đất được cắm theo chiều thẳng đứng từ trên xuống vào sâu trong lòng suối. Tất cả các vật chứng thu giữ trong vụ án đều được bỏ vào các túi niêm phong riêng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P2 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo. Sau khi phân tích tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”;

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 39, 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù chung thân.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hành vi, tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của bị hại bà Lưu Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại chi phí mai táng với tổng số tiền là 98.000.000 đồng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều N và người làm chứng chị Trần Thị Thanh H, anh Trần Văn C:

Ông Điều N, chị Trần Thị Thanh H, anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, những người này vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, vì vậy, căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, cùng các tài liệu chứng cứ

khác đã được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/11/2020, tại chòi rẫy của ông Trương Minh T2 thuộc ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, giữa Nguyễn Văn T và Lưu Văn Q xảy ra mâu thuẫn. Vì nghi ngờ bị Q rình xem mình và chị Trần Thị Thanh H quan hệ tình dục nên T đã lấy 01 con dao bằng kim loại dài 36,7cm, dao có một lưỡi sắc, mũi dao nhọn, không có cán dao, phần chui dao và lưỡi dao liền khối, lưỡi dao dài 29cm, chui dao dài 07,7cm, sống dao nơi dày nhất 0,5cm có sẵn tại nền nhà gần nơi vồng của T và Q nằm đâm liên tiếp nhiều nhát vào người Q làm Q tử vong.

Hành vi của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị cáo không lựa chọn cách thức cư xử phù hợp để giải quyết mà lại dùng dao, loại dao bằng kim loại, mũi nhọn, lưỡi sắc là hung khí nguy hiểm để đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng ngực, lưng của bị hại là vùng trọng yếu của cơ thể, làm bị hại tử vong. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, hung hãn, sẵn sàng dùng hung khí nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn nhỏ một cách quyết liệt nhằm thỏa mãn sự nghi ngờ, tức giận vô cớ của bản thân. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự xã hội, trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc dùng dao để đâm bị hại là trái pháp luật, có thể tước đoạt tính mạng của bị hại nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã cố ý thực hiện. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và bất chấp hậu quả.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con còn nhỏ; bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, chỉ cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội không thời hạn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại bà Lưu Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 98.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại. Xét thấy thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do bà Lê Thị T là mẹ của bị cáo đã thay bị cáo khắc phục cho gia đình bị hại, tại phiên tòa bà T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị Đặng Nguyễn Lam L: Chị L yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng cho cháu Đặng Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 25/01/2021 là con chung của chị L với bị hại. Xét thấy, chị L và bị hại chỉ chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, nội dung Giấy khai sinh (bản sao) số 38 ngày 02 tháng 3 năm 2021 không thể hiện họ, tên người cha là bị hại Lưu Văn Q. Mặc dù bà Lưu Thị H là mẹ của bị hại thừa nhận nội dung này nhưng ngoài lời trình bày của mình và bà H, chị L không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cháu Mỹ A là con chung của chị L với bị hại nên Hội đồng xét xử chưa có đủ cơ sở để xem xét. Vì vậy, cần tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi chị L có yêu cầu và có đủ căn cứ chứng minh.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, những công cụ, phương tiện sử dụng vào mục đích phạm tội, vật mang dấu vết của tội phạm theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/11/2020 (từ bút lục số 40 đến 46) và Biên bản truy tìm vật chứng ngày 21/11/2020 (bút lục số 55) và các Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu cùng ngày 21/11/2020 (bút lục số 56, 58, 59) không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động, hiệu Masstel màu xanh: Đây là tài sản hợp pháp của bị hại, không liên quan đến vụ án. Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu được nhận lại tài sản này. Xét yêu cầu của đại diện bị hại là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Đối với Trần Thị Thanh H, sau khi biết bị cáo đâm Lưu Văn Q tử vong đã chỉ dẫn cho lực lượng Công an truy tìm bắt giữ bị cáo, không gây cản trở quá trình điều tra nên không đề cập xử lý.

Đối với Trần Văn C và Phạm Thiện Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 106kg trái cà phê tươi của người dân vào ngày 19/11/2020 trên địa bàn xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, đến nay chưa xác định được người bị hại nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh xử lý theo quy định là có căn cứ.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 19 và 20/11/2020 T, Q, H, C và Đ có hành vi sử dụng ma túy cùng nhau, nguồn gốc ma túy là do Đ mang đến, nhưng Đ không thừa nhận nguồn gốc ma túy là của Đ. Tuy nhiên, T, C và H xác định nguồn gốc ma túy là của Đ mang về để T, C, H và Q cùng sử dụng, đồng thời Đ cũng là

người nghiện chất ma túy nên hành vi của Đ không cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước đã có văn bản đề nghị Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước xem xét, xử lý theo quy định.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là $98.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.900.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 39, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 21/11/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Lưu Thị H số tiền 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do bà Lê Thị T là mẹ của bị cáo đã thay bị cáo khắc phục cho gia đình bị hại, bà T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không đặt ra xem xét.

Tách yêu cầu cấp dưỡng của chị Đặng Nguyễn Lam L để giải quyết bằng vụ án khác khi chị L có yêu cầu và có đủ căn cứ chứng minh.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng, đồ vật gồm:

+ Bông tăm thu dấu vết màu nâu đỏ trên nền nhà, khu vực dưới tử thi; Gạc thu chất bám dính 10 kẽ móng tay của bị hại Lưu Văn Q; 01 bình gas mini, hiệu CARTRINOI; 01 bấm móng tay bằng kim loại; 01 quẹt gas bằng nhựa trong tình trạng bể, hư hỏng; 01 đầu khò và 01 đoạn cây gỗ; 01 vớng vải màu xanh, trên vớng bám dính nhiều dấu vết màu nâu đỏ và 01 đôi giày vải màu xanh đen, số 41, hiệu ASIAN, trên giày bám dính nhiều chất bẩn màu đen và dấu vết màu nâu đỏ; 01 đôi dép lười màu đỏ, trên dép bám dính dấu vết màu nâu đỏ; 01 đôi dép lười màu xanh, trên dép có chữ EURO, bám dính dấu vết màu nâu đỏ; 01 vớng vải màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng trong, nắp màu đỏ, thân chai có chữ "GASACO", trên nắp chai có 02 lỗ hình tròn, trong đó 01 lỗ được cắm 01 ống hút bằng nhựa màu vàng; 01 áo vải thun màu xanh, có cổ, có chữ AJOURE; 01 áo sơ mi sọc xanh, trắng, trong tình trạng ẩm ướt, trên áo bám dính nhiều chất bẩn và dấu vết màu nâu đỏ, dạng phun bắn.

+ 01 con dao 36,7cm bằng kim loại, không có cán dao, phần chui dao và lưỡi dao liền khối, lưỡi dao dài 29cm, chui dao dài 07,7cm, dao có 01 lưỡi sắc, mũi dao nhọn, sống dao nơi dày nhất 0,5cm.

- Trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Lưu Thị H 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu xanh, bám dính nhiều dấu vết màu nâu đỏ.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- LS bào chữa;
- CQĐT, PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Tổ HCTP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:
Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con còn nhỏ; bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo.